

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ CUỘC SỐNG CỦA CÁC BÀ TRONG NỘI CUNG NHÀ NGUYỄN

Lê Thị An Hòa*

Lời dẫn

Dưới triều Nguyễn, đời sống của các cung phi chủ yếu diễn ra trong Tử Cấm Thành. Để điều hành mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, dạy dỗ các cung phi và giữ gìn các đồ vật từ quý giá đến bình thường trong Nội cung, triều Nguyễn phải đặt ra các chức tước và cử nữ quan để chăm sóc. Các hoạt động ở chốn hậu cung góp phần quyết định cho việc kế thừa ngai vàng của nhà Nguyễn và trong một chừng mực nhất định nào đó cũng góp phần không nhỏ đến sự bình ổn chính trị của đất nước vào thời điểm bấy giờ.

1. Nguồn gốc và thân phận các bà trong Nội cung nhà Nguyễn

Những người phụ nữ được đưa vào cung để hầu hạ và phục dịch cho đấng quân vương phần lớn là con của các quan, hoặc người đẹp nghiêng nước nghiêng thành hay là những người có tài năng mua vui cho vua và đảm đương việc nấu nướng trợ giúp các công việc Nội cung. Những người sinh được con cho hoàng đế sẽ được nâng lên các vị trí cao hơn trong Nội cung. Tuy nhiên, để có thể bước chân được vào trong “*nội*”⁽¹⁾ thì lại là cả một quá trình gian nan và khó khăn mà không phải chỉ có sắc đẹp là tất cả.

Theo lệ thường, chỉ có các quan đại thần mới được đưa con gái tiến cung. Sự hậu thuẫn của gia tộc cũng chính là một trong những nguyên nhân để các bà trong cung Nguyễn nhận được sự sủng ái của các bậc đế vương. Tùy theo phẩm trật của người cha mà cô con gái được tuyển vào cấp bậc cao hay thấp. Con của một ông Thống chế trật Chánh Nhị phẩm chỉ được sơ tuyển làm Tài nhân mà thôi. Nhưng con các quan Nhất phẩm, có nhiều công trạng với triều đại thì được tuyển ngay vào làm Tiệp dư và thăng cấp cũng rất mau. Trái lại, có những người được tuyển lâu ngày, đã từng sinh được hoàng nam hoàng nữ, cũng chỉ ở cấp bậc Mỹ nhân hoặc Quý nhân là cùng. Bà Phạm Thị Hằng, con quan đại thần Phạm Đăng Hưng, mới vào cung đã được làm Tán; năm thứ sáu được phong làm Hoàng Quý phi (Nghị Thiên Chương Hoàng hậu).

Điều này, thể hiện đó là vinh dự cho một ông quan có được một cô con gái vào Nội cung. Hầu như tất cả cung phi cung tần đều là con gái của các quan. Trong những buổi nói chuyện thân mật với J.B. Chaigneau, vua Gia Long kể lại rằng: “*Chẳng hạn, mới đây có một vị đã đề nghị ta con gái của ông ấy, và dù với tuổi tác của ta đây, ta cũng không thể chối từ: nếu từ chối, ta có thể sẽ gây mất lòng ông ta nghiêm trọng. Ở*

(*) Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế.

(1) Nội cung nhà Nguyễn (ở trong cung cấm, trong Tử Cấm Thành).

xử này, được đưa con gái vào cung là một vinh dự, vừa là một lợi thế cho mỗi vị. Về phần ta thì lại có thêm sự đảm bảo về lòng trung quân của vị đó. Ta phải xử sự sao cho vừa lòng mọi người, nhất là các bà, vì các bà còn đáng sợ hơn cả phía các ông. Nếu như ta bỏ bê một trong các quý phi, thì tức khắc người này sẽ than thở với cha mình. Lão này, nếu không rêu rao xúc phạm ta một khi ta đã tuổi tác thì cũng không bỏ lỡ cơ hội đồn thổi thật khéo léo với cánh đồng nghiệp để bêu xấu ta trước muôn dân.”⁽¹⁾

Những cuộc hôn nhân này cũng chính là sự cân bằng quyền lực giữa các thế lực trong triều, nhằm ổn định tình hình chính trị của quốc gia. Cho dù mục đích phía sau của những cuộc hôn nhân này là gì thì hầu hết những cô gái này đã đánh đổi tuổi thanh xuân và nước mắt của họ để đổi lấy một cuộc sống hoặc là quyền cao chức trọng, mẹ vinh hiển nhờ con, hoặc là cô đơn, phòng không gối chiếu cho đến cuối cuộc đời.

Con thường dân được tuyển vào cung là trường hợp đặc biệt, nhưng phải là sắc nước hương trời. Tuy nhiên, những cô gái này mới được tuyển chưa được xếp chính thức vào hàng Cửu giai, mà chỉ được gọi là “*Tài nhân vị nhập lưu*” tức là những người đang chờ đợi được tuyển vào làm Tài nhân.

Kể từ khi được tuyển hay tiến cung, các phi tần không được phép gặp gỡ người thân dù là cha mẹ. Cũng có trường hợp ngoại lệ vua cho phép gặp mặt, nhưng chỉ người mẹ mới được nói chuyện cùng con qua một bức màn sáo che, và chỉ nghe thấy tiếng mà không nhìn thấy mặt nhau. Còn cha thì đứng ở ngoài sân nhìn vào. Cho nên ở Huế có câu “đưa con vô nội” có ý nghĩa như mất con luôn. Từ khi vào Tử Cấm Thành, cung phi không được phép về thăm cha mẹ và anh em, bà con thân thuộc. Bức tường Tử Cấm Thành ngăn cách cung phi với những gì ở thế giới bên ngoài. Những người con gái một khi đã bước chân vào cung cấm thì chỉ có đi mà không thể trở lại. Cả cuộc đời, cả số phận, dù hạnh phúc hay bất hạnh, dù quyền cao chức trọng hay cô đơn chiếu bóng, ảo não u buồn. Và đương nhiên, các phi tần này sau khi được tuyển chọn sẽ bị nghiêm cấm quan hệ tình cảm với bất kỳ ai khác ngoài hoàng đế. Hầu hết mọi cử chỉ của họ đều bị giám sát bởi các hoạn quan, những người nắm giữ quyền lực rất lớn trong chốn Nội cung.

2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các ty trong Nội cung nhà Nguyễn

Triều Nguyễn đã đặt ra **Lục thượng** để điều hành mọi việc liên quan đến dạy dỗ các cung phi và giữ gìn đồ vật trong Nội cung và cử các nữ quan giúp việc. Nữ quan thường là các bà trong Nội cung được vua tin tưởng do có quá trình làm việc cẩn trọng hay do triều đình tuyển vào để sắp xếp mọi việc liên quan đến tổ chức đời sống tinh thần và vật chất trong cung cấm.

Công việc trong cung cấm chia làm 6 lĩnh vực, mỗi lĩnh vực do một ty đảm nhận, tất cả có 6 ty nên gọi là Lục thượng 六尚 (Thượng nghĩa là coi sóc, quản lý).

⁽¹⁾ Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế (2016). *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau*. Bản dịch Lê Đức Quang - Trần Đình Hằng. Nxb Thuận Hóa. Huế. Tr. 199.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1386) đặt Lục thượng, quy định rõ công việc phải làm gồm có: Thượng nghi, Thượng trần, Thượng khí, Thượng phục, Thượng thực, Thượng y, cầm đầu mỗi ty là một Quản sự.⁽¹⁾

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1844) vua định rõ chức phận trong Lục thượng như sau:

Ty Thượng nghi (尚儀): Coi về nghi lễ, sổ sách giấy tờ trong cung, do Chương nghi (掌儀), Chương lễ (掌禮) đứng đầu, cấp dưới có Tư hương (司香), Tư chương (司章), Điền sự (典事) và các đầu mục, cung nô.

Ty Thượng trần (尚珍): giữ của quý, các thứ châu ngọc, do Chương châu (掌珠), Chương ngọc (掌玉) đứng đầu, cấp dưới có các chức Tư kim (司金), Tư ngân (司銀), Điền hoàn (典緩), Điền mân (典緡).

Ty Thượng khí (尚器): sau gọi là Thượng thặng (尚帑), giữ của cải đồ đạc, do Chương trần (掌珍), Chương ngoạn (掌玩) đứng đầu, cấp dưới có các chức Tư thặng (司帑), Tư khí (司器), Điền cẩm (典錦), Điền thái (典采).

Ty Thượng phục (尚服): giữ chăn nệm, màn giường, lụa là, do Chương duy (掌帷), Chương vi (掌幃) đứng đầu, cấp dưới có Chương thường (掌裳), Chương đới (掌帶), Điền khâm (典衾), Điền nhục (典褥).

Ty Thượng thực (尚食): sau gọi là Thượng diên (尚筵), lo đồ ăn thức uống, do Chương diên (掌筵), Chương yến (掌宴) đứng đầu, cấp dưới có các chức Tư trà (司茶), Tư thiện (司膳), Điền soạn (典饌), Điền giai (典醪).

Ty Thượng y (尚衣): giữ áo quần, giày, khăn... do Chương bào (掌袍), Chương cừu (掌裘) đứng đầu, cấp dưới có các chức Tư y (司衣), Tư phi (司緋), Điền nhu (典襦), Điền chẩn (典衫).

Đồng thời cũng năm ấy vua Minh Mạng lại chia đặt nữ quan làm *Lục đẳng*⁽²⁾ để giúp việc. Trong *Đại Nam thực lục* đã ghi chép rất cụ thể: “*Lục thượng quản sự cùng với Tư nghi và Tư trần đều là thứ đẳng (hạng đầu). Lục thượng thống sự cùng với Tư hương và Tư khí đều là thứ đẳng (hạng thứ hai). Lục thượng thừa sự cùng với Tư y và Tư thặng đều là trung đẳng (hạng trung). Lục thượng tùy sự cùng với các ban quản ban đều là á đẳng (hạng thứ). Lục thượng tòng sự cùng với các ban lãnh ban đều là hạ đẳng (hạng dưới). Chức mục các ban và đầu mục cung nô đều là mạt đẳng (hạng cuối). Ban có 8: ban Thiệu quang, ban Thụy nhật, ban Kim hoa, ban Hương cảm, ban Tường loan, ban Nghi phượng, ban Tiên quế và ban Ngọc mai*”.⁽³⁾

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 865.

(2) *Lục đẳng*: sáu hạng.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 866.

Lục viện (六院): sáu viện nằm trong Tử Cấm Thành dành làm chỗ ở cho các phi tần, cung nữ và nữ nhân phục dịch khác. Các viện ấy là: Đoan Trang, Đoan Huy, Đoan Hòa, Đoan Thuận, Đoan Tường và Thuận Huy.⁽¹⁾

Triều đình quy định chức tước cho quan lại thì có quan giai và được phân thành 9 bậc, gọi là Cửu phẩm. Trong cung cấm thì có **Cung giai**, cũng gồm 9 bậc, gọi là Cửu giai. Dưới thời vua Gia Long (1802-1819) cấp bậc trong cung gồm có:

- Ba bậc Phi (Tam phi 三妃): *Quý phi* (貴妃), *Minh phi* (明妃), *Kính phi* (敬妃);
- Ba bậc Tu (Tam tu 三修): *Tu nghi* (修儀), *Tu dung* (修容), *Tu viên* (修媛);
- Chín bậc Tần (Cửu tần 九嬪): *Quý tần* (貴嬪), *Hiền tần* (賢嬪), *Trang tần* (莊嬪), *Đức tần* (德嬪), *Thục tần* (淑嬪), *Huệ tần* (惠嬪), *Lệ tần* (麗嬪), *An tần* (安嬪), *Hòa tần* (和嬪);
- Ba bậc Chiêu (Tam chiêu 三昭): *Chiêu nghi* (昭儀), *Chiêu dung* (昭容), *Chiêu viên* (昭媛).
- Ba bậc Sung (Tam sung 三充): *Sung nghi* (充儀), *Sung dung* (充容), *Sung viên* (充媛).
- Sáu chức (Lục chức 六職): *Tiếp dư* (婕妤), *Dung hoa* (容華), *Nghi nhân* (宜人), *Tài nhân* (才人), *Linh nhân* (靈人), *Lương nhân* (良人).

Triều Nguyễn tồn tại 143 năm (1802-1945) trải qua 13 đời vua, trong đó chỉ có vua Gia Long đầu triều và vua Bảo Đại cuối cùng là có lập Hoàng hậu, còn các đời vua khác thì theo lệ Ngũ bất lập (*Không lập Hoàng hậu; Không lập Thái tử; Không lập Tế tướng; Không lập Trạng nguyên; Không phong tước Vương*) và quy định Cửu giai do vua Minh Mạng lập ra vào năm 1836 nên không có ngôi vị Hoàng hậu. Chỉ dụ năm Minh Mạng thứ 17 (1836) đã định lại thứ bậc ở Nội cung: “*Nay theo gương cổ nhân, đặt chín bậc phi tần ở Nội cung, khiến cho chốn khuê môn trật tự phân minh, phong hóa tôn nghiêm, nối đến muôn đời. Trên hàng Nhất giai có đặt Hoàng Quý phi để giúp Hoàng hậu vốn là ngôi ‘Chủ quỹ trung cung’⁽²⁾ (主饋中宮), cai quản mẫu mực Lục viện, giúp việc nội trị, giữ nghiêm nội chính*”.⁽³⁾ Hoàng Quý phi là Chánh cung Hoàng hậu trước kia. Từ đó, các triều đều thiết lập hạng mức Cung giai cố định, dưới đặt ra các bậc:

Ba Nhất giai Phi: *Quý phi* (貴妃), *Hiền phi* (賢妃), *Thần phi* (宸妃).

Ba Nhị giai Phi: *Gia phi* (嘉妃), *Thục phi* (淑妃), *Huệ phi* (惠妃).

Ba Tam giai Tần: *Quý tần* (貴嬪), *Hiền tần* (賢嬪), *Trang tần* (莊嬪).

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 13. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế. Tr. 13, 23- 24, 37- 38, 41- 43.

(2) *Chủ quỹ*: chỉ người vợ, có nhiệm vụ trông nom việc ăn uống ở trong nhà.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 86.

Ba Tứ giai Tàn: *Đức tàn* (德嬪), *Thục tàn* (淑嬪), *Huệ tàn* (惠嬪).

Ba Ngũ giai Tàn: *Lệ tàn* (麗嬪), *An tàn* (安嬪), *Hòa tàn* (和嬪).

Lục giai Tiệp dư (六階婕妤).

Thất giai Quý nhân (七階貴人).

Bát giai Mỹ nhân (八階美人).

Cửu giai Tài nhân (九階才人).

Năm Minh Mạng thứ 19 (1838) lại có sự thay đổi về Cửu giai như sau: Nhị giai Đức phi được đổi làm Nhị giai Gia phi; trong Ngũ giai Lệ tàn, An tàn, Hòa tàn, thứ tự được sắp lại là An tàn, Hòa tàn rồi mới đến Lệ tàn. Sau đó danh xưng của Cửu giai, trong 5 bậc đầu được định lại như sau:

Nhất giai: *Quý phi* (貴妃), *Đoan phi* (端妃), *Lệnh phi* (令妃).

Nhị giai: *Thành phi* (誠妃), *Trinh phi* (貞妃), *Thục phi* (淑妃).

Tam giai: *Quý tàn* (貴嬪), *Luơng tàn* (良嬪), *Đức tàn* (德嬪).

Tứ giai: *Huy tàn* (徽嬪), *Ý tàn* (懿嬪), *Nhu tàn* (柔嬪).

Ngũ giai: *Nhàn tàn* (嫻嬪), *Nhã tàn* (雅嬪), *Thuận tàn* (順嬪).

Từ Lục giai trở xuống không có gì thay đổi. Thực tế cho thấy các đời vua Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh... tuy có tuân thủ Cửu giai nhưng không nhất thiết theo đúng danh hiệu trong khuôn khổ trình bày ở trên. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) vua định lại thứ bậc và tước vị trong cung: “*Định rõ thêm thứ bậc ở Nội cung. Dụ rằng: Đạo vương gia trước ở sửa đạo nhà, thế cho nên ở thiên Chu quan⁽¹⁾ thi hành phép tắc, tất lấy ý nghĩa của thơ Quan thư,⁽²⁾ Lân chỉ⁽³⁾ làm gốc, vì lễ nghi chính sự ở trong cung cấm là nền tảng của vương hóa vậy. Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ta, tham xét điển lễ đời xưa, chuẩn định thứ bậc ở trong cung, thực là phép hay của muôn đời.*

Trẫm nghĩ: Chính trị của vương gia tất từ sửa trị trong nhà trước, thứ bậc ở trong cung, cũng nên định rõ cấp bậc về Hoàng Quý phi trở lên, đã có lệ sẵn, từ phi tàn trở xuống, thì chuẩn cho đặt.”⁽⁴⁾

Trước hết là Hoàng Quý phi, Chương quản lục viện;

Nhất giai Phi: *Thuận phi* (順妃), *Thiện phi* (善妃), *Nhã phi* (雅妃).

Nhị giai Phi: *Cung phi* (恭妃), *Cần phi* (勤妃), *Chiêu phi* (昭妃).

(1) *Chu quan*: tên một thiên trong *Kinh Thư*, nói về cách đặt quan chức giữ công việc của nhà Chu.

(2) *Quan thư*: tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, khen bà Thái Tự có thánh đức lấy vua Văn Vương nhà Chu cũng có thánh đức, làm nên giáo hóa tốt ở trong cung.

(3) *Lân chỉ*: tên một bài thơ ở *Kinh Thi*, khen Văn Vương và Hậu phi (tức bà Thái Tự) tự mình sửa đức, nên con cháu họ hàng đều là người nhân hậu cả.

(4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 164.

Tam giai Tàn: *Khiêm tàn* (謙嬪), *Thận tàn* (慎嬪), *Nhân tàn* (仁嬪), *Thái tàn* (泰嬪).

Tứ giai Tàn: *Khoan tàn* (寬嬪), *Giai tàn* (偕嬪), *Tuệ tàn* (慧嬪), *Giản tàn* (簡嬪).

Ngũ giai Tàn: *Tĩnh tàn* (靜嬪), *Cẩn tàn* (謹嬪), *Tín tàn* (信嬪), *Uyển tàn* (婉嬪).

Lục giai Tiệp dư (六階婕妤).

Thất giai Quý nhân (七階貴人).

Bát giai Mỹ nhân (八階美人).

Cửu giai Tài nhân (九階才人).

Quy định này không nhất định lúc nào cũng vậy, vua Tự Đức có các bà vợ là Trung phi (mẹ nuôi của vua Dục Đức), Bằng phi (chết sớm), Học phi (mẹ nuôi của vua Kiến Phúc) là những danh hiệu không thấy trong những thang bậc Cửu giai nêu trên. Tương tự năm 1917, khi cưới bà Hồ Thị Chỉ, con gái của Thượng thư Bộ Học Hồ Đắc Trung, vua Khải Định đã phong bà làm Nhất giai Ân Phi, trong khi danh hiệu này không thấy ghi trong thang bậc nào cả.

Chánh cung Hoàng hậu hay Hoàng Quý phi thì ở tại cung Khôn Thái. Hàng Nhất giai Phi thì ở tại điện Trinh Minh. Các hàng Tàn và Tiệp ở tại các viện Thuận Huy, Đoan Tường, Đoan Thuận, Đoan Hòa.

Các cung nhân và cung nga chưa được phong (vị nhập giai), thị nữ hầu hạ, thái giám, chia nhau ở tại hai viện Đoan Trang và Đoan Huy.

Trong cung cấm từ bậc Lục giai trở lên mới được gọi bằng “*bà*”, dưới đó là “*chị*”. Với quy định của Cửu giai, các bà cũng được lên chức dần dần theo thời gian, và khi có lỗi cũng bị khiển phạt, y như bên hệ thống quan lại.

Vua Tự Đức tuy vô sinh nhưng trong hậu cung vẫn có nhiều bà với đầy đủ cấp bậc lớn nhỏ của cung giai theo đúng cung cách của một hoàng đế, trong đó có nhiều bà phi sử sách còn nhắc lại, chẳng hạn bà Bằng phi (bà phi này chết sớm, vua có tình cảm sâu nặng với bà và khi mất có làm bài thơ Nôm *Khóc Bằng phi* nói về tình cảm của nhà vua đối với bà), Học phi Nguyễn Thị Hương (mẹ nuôi vua Kiến Phúc), Thiện phi Nguyễn Thị Cẩm (mẹ nuôi vua Đồng Khánh)... Đặc biệt có bà Trung phi Vũ Thị Duyên là lao đao. Bà là con quan đại thần Đông Các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn, được tuyển vào hầu vua Tự Đức năm 1843, khi còn tiêm đề. Bà hầu hạ chu đáo Thái hậu Từ Dũ (mẹ vua Tự Đức) nên rất được vua yêu thích. Năm 1848, vua Tự Đức lên ngôi phong bà làm Cung tần. Năm 1850, thăng lên Cẩn phi; năm 1860 tấn phong Thuận phi, năm 1861 cải làm Trung phi. Năm 1870 bà được tấn phong tước vị cao nhất là Hoàng Quý phi (Chánh cung Hoàng hậu) và chương quản 6 viện (Lục viện) trong Nội cung. Đến tháng 12 năm Nhâm Ngọ (1883) bà bị giáng làm Trung phi vì đang lúc vua không được khỏe, phải dùng thuốc, bà vì công việc bề bộn nên sai cung nhân dâng bữa cơm chiều hơi muộn. Tuy nhiên bà vẫn còn giữ được giai bậc cũ nhưng không được trông coi cả 6 viện. Có lẽ lúc bệnh hoạn, người không khỏe, sinh ra bức bối nên

vua đã phạt giáng chức bà nhưng trong lòng vẫn rất yêu thương, vì vậy trước khi băng hà, vua để di chiếu lập bà làm Hoàng hậu. Tuân theo di chiếu, vua Hiệp Hòa (em vua Tự Đức) và triều đình tôn phong bà làm Khiêm Hoàng hậu; đến khi bà mất, được tôn miếu hiệu là Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu, hiệp thờ với Dục Tông Anh Hoàng Đế (Tự Đức) tại Thế Miếu trong Đại Nội.

Vua Đồng Khánh lên ngôi năm 1885, sau khi phong tước vị cho các bà vợ, qua mùa xuân năm 1887, không rõ trong Nội cung xảy ra những xáo trộn như thế nào khiến vua bực mình *“Xuống dụ quở trách các phi tần trong nội đình và giáng xuống có thứ bậc (Quan phi là Trần Đăng thị nói năng tục tằn, giáng làm Tùy tần; Chính tần là Hồ Văn thị không nghĩ đến việc công, giáng làm Mỹ nhân; Nghị tần là Lê thị, dữ tợn, tham lam, đổ kị, ghép tội nặng, giáng làm Tài nhân; Tài nhân ở Cửu giai là Trịnh thị, Nguyễn Hữu thị, tính quen dối trá, khinh nhờn, đều giáng làm Cung nhân. Hoàng Quý phi không biết sửa mình, quản suất mọi việc, để trong nội đình không theo phép tắc, cũng quở mắng ngặt hơn”*.⁽¹⁾

Vua Khải Định (1916-1925) khi đang còn là Hoàng tử (Phụng Hóa Công) đã lấy bà Hoàng Thị Cúc (sau này là Đoan Huy Hoàng Thái hậu tức là bà Từ Cung) và có con trai là vua Bảo Đại. Sau khi lên ngôi, vua Khải Định đã phong cho bà làm Tam giai Huệ tần năm 1917; rồi thăng lên Nhị giai Hữu phi năm 1918; năm 1933, vua Bảo Đại mới tấn tôn bà làm Đoan Huy Hoàng Thái hậu.

Nhà vua quy định chính sách thưởng kèm theo khi phong tước cho các bà có công tổ chức điều hành trong Nội cung. Bà nào được phong tước Hoàng Quý phi là nhận sách phong bằng vàng (Kim sách), Nhất và Nhị giai Phi được ban sách phong bằng bạc mạ vàng (nhưng cũng gọi là Kim sách).

Vợ của vua cũng được hưởng lương bổng như quan lại. Dưới thời vua Minh Mạng (1836), quy định lương chi phí hàng năm và hàng tháng của các tầng bậc khác nhau:

“Hoàng Quý phi được lãnh mỗi năm 1000 quan tiền và 300 phương gạo.

Nhất giai: 500 quan, 250 phương gạo/năm.

Nhị giai: 450 quan tiền, 200 phương gạo/năm.

Tam giai: 400 quan tiền, 180 phương gạo/năm.

Tứ giai: 350 quan tiền, 140 phương gạo/năm.

Ngũ giai: 320 quan tiền, 100 phương gạo/năm.

Lục giai: 300 quan tiền, 100 phương gạo/năm.

Thất giai: 280 quan tiền, 84 phương gạo/năm.

Bát giai: 240 quan tiền, 60 phương gạo/năm.

Cửu giai: 180 quan tiền, 48 phương gạo/năm.

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 9. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 311- 312.

Thủ đẳng: mỗi tháng 6 quan tiền, 3 phương gạo; Thứ đẳng: mỗi tháng 5 quan tiền, 2 phương gạo; Trung đẳng: mỗi tháng 4 quan tiền, 2 phương gạo; Á đẳng: mỗi tháng 3 quan tiền, 1 phương gạo trắng; Hạ đẳng: mỗi tháng 2 quan tiền, 1 phương gạo trắng; Mạt đẳng: mỗi tháng 1 quan 5 tiền, 1 phương gạo trắng. Đồng thời, quy chuẩn định lệ “ban phong Hoàng Quý phi là dùng sách vàng. Sáu phi⁽¹⁾ dùng sách bạc mạ vàng. Chín tần⁽²⁾ cùng với các Tiệp dư, Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân: dùng sách bạc. Tài nhân không vào ban thứ nào là dùng thái trực.⁽³⁾ Nữ quan, từ thủ đẳng đến hạ đẳng là dùng long tiên trực.⁽⁴⁾ Mạt đẳng: do bộ truyền sắc dùng giấy hội”.⁽⁵⁾

Dưới triều Nguyễn, chính sách đối với các phi tần khi mất cũng rất chặt chẽ và quy định thành điển chế. Tất cả Cung giai trong triều từ phi tần cho đến thị nữ không may qua đời, trừ những người được đặc cách hậu cấp, còn lại thì định cấp tiền quan tuất như sau: “*Dự vào bậc nhất và nhì (các phi): Thuộc tiền triều cấp 900 quan, hiện triều cấp 1000 quan (cung ứng tiền áo quần vải vóc tẩm liệm, làm thần chủ, hòm quách, bia đá, tự khí, tiền công và vật liệu xây cất mộ phần cùng các khoản phu tống táng, thuyền xe, lính tráng cũng ở trong số tiền này. Các bậc khác ở sau cũng chi tiêu tương tự như vậy).*

- *Bậc ba, tư và năm (các Tần): Thuộc tiền triều 700 quan, hiện triều 800 quan.*
- *Bậc sáu, bảy (Tiệp dư, Quý nhân): Thuộc tiền triều 600 quan, hiện triều 700 quan.*
- *Bậc tám, chín (Mỹ nhân, Tài nhân): thuộc tiền triều 500 quan, hiện triều 600 quan.*
- *Tài nhân chưa nhập giai: Thuộc tiền triều 400 quan, hiện triều 500 quan.*
- *Cung nhân, cung nga: Thuộc tiền triều 300 quan, hiện triều 400 quan.*
- *Thị nữ: Thuộc tiền triều 200 quan, hiện triều 300 quan”.⁽⁶⁾*

Có thể thấy rằng, cơ cấu tổ chức quản lý trong Nội cung triều Nguyễn được quy định rất chặt chẽ và nghiêm ngặt, có thưởng phạt rất rõ ràng. Những quy định đó thể hiện rõ tính nhân văn rất cao.

3. Cuộc sống của các bà trong cung Nguyễn

Với 143 năm tồn tại (1802-1945), hậu cung triều Nguyễn với rất nhiều câu chuyện thâm cung bí sử hầu như không được sử sách ghi chép nhưng lại được biết đến bằng những câu chuyện thân mật của J.B. Chaigneau với vua Gia Long trong *Souvenirs de Hué*. Cuộc sống của Hoàng Quý phi là cao nhất trong các vương phi.

(1) *Sáu phi*: Quý phi, Hiền phi, Thần phi, Gia phi, Thục phi, Huệ phi.

(2) *Chín tần*: Quý tần, Hiền tần, Trang tần, Đức tần, Thục tần, Huệ tần, An tần, Hòa tần, Lệ tần.

(3) *Thái trực*: sắc phong bằng lụa màu, có trực (như kiểu tranh bồi của Trung Quốc xưa).

(4) *Long tiên trực*: sắc phong bằng giấy vẽ rồng, có trực.

(5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 866.

(6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2007). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*. Tập I. Quyển 1. Bản dịch của Viện Sử học và Trung tâm BTĐTĐ Huế. Nxb KHXH. Hà Nội. Tr.93.

Cung Khôn Thái là nơi ở của Hoàng Quý phi. Cung này được Michel Đức Chaigneau miêu tả khi ông còn nhỏ nhân dịp vào bệ kiến Hoàng hậu (vợ vua Gia Long) một cách khá sinh động: *“Gian phòng của Hoàng hậu cũng lớn tương tự như gian phòng trước đó, khá đẹp mắt về cả trang trí và đồ nội thất: khắp nơi đều rực sáng lên sự giàu sang và ngăn nắp sạch sẽ; không khí ta hít thở như có hương thơm ngọt pha trộn mùi đàn hương, hoa trái và khói thuốc hút loại được tẩm hương của một loài hoa gọi là hoa ngâu. Dù bên ngoài trời đã sụp tối, một số bức màn đã được kéo lên, ta vẫn có thể nhận ra tất cả mọi đồ vật trong gian phòng dịu ngọt thơm nức này. Một cái sập không cao với đường diềm chạm trổ trên nền sơn son, được đặt trước một khung cửa rộng lớn nhìn ra sân. Đó là sập gụ duy nhất để ngồi: là nơi ngồi chơi hay nằm nghỉ của chủ nhân cung này. Những quý bà được cho phép diện kiến phải ngồi trước mặt Hoàng hậu ở tầm thấp hơn trên những chiếc chiếu. Hoàng hậu mặc đồ thêu lụa vàng, tựa nhẹ người vào một chiếc gối vuông bọc lụa tơ màu vàng có thêu chỉ vàng, chung quanh có rất nhiều quý bà có hàm răng đen, mặc áo dài lụa đủ màu sắc, người thì khăn đóng, người thì đầu trần: những phụ nữ này đứng đó, chân trần, với tư thế cung kính. Toàn bộ cảnh tượng như gợi lên cho tôi một cảm giác thần kỳ và bề thế”*.⁽¹⁾

Trong khi đó cũng là cuộc sống của các cung phi khác cũng được Michel Đức Chaigneau ghi lại rất cụ thể: *“Sống riết ở trong nhà cả ngày, người phụ nữ chẳng mấy khi thấy ánh mặt trời. Nằm nửa người trên những chiếc gối chất đống trên những chiếc chiếu hay thảm, phụ nữ xứ này chuyện trò, chơi bài, ca hát, hút thuốc và uống trà. Chỉ một số rất ít biết đọc và biết thêu thùa may vá.*

Phụ nữ xứ này ít khi qua lại thăm nhau. Khi cần đi, họ dùng kiệu và đi kèm theo là một đoàn thiếu nữ mặc hai lớp áo khác màu, màu sắc thì thường là chói chang. Các thiếu nữ theo hầu chạy theo kiệu, mang theo đủ thứ cho bà chủ: giấy vớ, hộp trầu cau, thuốc lá và lò hương. Kiệu lọng do trai tráng khiêng che, đặc biệt lọng thì chỉ những phụ nữ quyền quý mới được có”.⁽²⁾

Hoàng Quý phi là được vua sủng ái nhất, còn các nữ cung thì có cách biệt rất rõ ràng thể hiện ở các bậc của cung nữ và cuộc sống của các bà phi tàn sung túc hay không cũng phụ thuộc vào cấp bậc được phong. Hoàng Quý phi là người đứng đầu trong các bà phi là vợ chính của vua được hưởng nhiều quyền lợi hơn cả. Hoàng Quý phi ở cung Khôn Thái sau lưng điện Cần Thành là nơi ở của vua. Các bà phi khác ở điện Trinh Minh. Hoàng Quý phi được vua thiên vị nhất, nhưng công việc cũng nặng nề nhất vì phải lo đôn đốc công việc hàng ngày trong cung. Công việc hàng ngày của Hoàng Quý phi có thể được lặp đi lặp lại theo quy trình như sau: Buổi sáng thức dậy, vệ sinh cá nhân, trang điểm, xong đi kiểm tra các món ăn buổi sáng trước khi dâng lên cho vua ngự thiện. Khi chuẩn bị xong sẽ cùng với các cung nữ và thái giám đem món ăn đến điện Cần Thành để dâng vua. Sau đó rời cung vua đi xem xét, kiểm tra công việc buổi sáng tại các viện vào khoảng 5 giờ sáng. Khoảng 6 giờ sáng về cung Khôn

⁽¹⁾ *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau. Sđd, tr.192.*

⁽²⁾ *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau. Sđd, tr.197.*

Thái dùng điểm tâm riêng rồi đến cung Diên Thọ thỉnh an và chúc an lành Hoàng Thái hậu và nghe lời huấn dụ rồi trở lại cung riêng. Khoảng 7 giờ sáng, đến chính điện nhận lễ thỉnh an của các hoàng tử, công chúa, phi tần và các thái giám, nữ cung. Tiếp theo khoảng 8 giờ sáng, nghe các Quản giám tấu trình công việc đêm qua, tình hình tiến hành công việc đầu ngày, quá trình thu, chi và các công việc hàng ngày trong Nội cung. Vào lúc 9 giờ sáng duyệt đơn thưa kiện của các phi tần, mỹ nữ, tham khảo ý kiến các thái giám, ý kiến nhân chứng rồi phân xử phải trái, nghị hòa, nghị phạt. Tầm 11 giờ đi thăm các hoàng tử, công chúa, căn dặn bảo mẫu chăm sóc con chu đáo, trang điểm qua, đón Hoàng đế bãi triều hồi cung để báo cáo công việc đã làm và lĩnh ý chỉ của Hoàng đế về công việc. Vào lúc 12 giờ thì kiểm tra lại các món ăn của Hoàng đế, sau đó về cung Khôn Thái ăn uống nghỉ ngơi. Khoảng 14 giờ thức dậy, tắm rửa, trang điểm, sửa soạn món ăn nhẹ, bánh trái chờ Hoàng đế đến thăm. Lúc 16 giờ thì chơi đùa với con nhỏ, đến cung Diên Thọ thăm Hoàng Thái hậu, đi kiểm tra các công việc trong Nội cung. Tiếp theo vào lúc 18 giờ kiểm tra món ăn buổi tối của Hoàng đế và về cung Khôn Thái dùng bữa tối. Họp các thái giám và nghe báo cáo công việc trong ngày, xử lý và dặn dò các việc cần thiết. Sau đó cùng vài cung nữ đến Khương Ninh Các để thắp hương cúng Phật, cầu cho Hoàng Thái hậu, Hoàng đế, Hoàng gia được bình an, đất nước được thái bình, thịnh vượng. Vào khoảng 20 giờ, về thư phòng đọc sách xong, vào lúc 21 giờ vui chơi với các con, kiểm tra một số nơi và xem lại việc chuẩn bị món ăn đêm của Hoàng đế và chúc Hoàng đế ngủ ngon, sau đó mới về cung tập thể dục, tắm rửa, dùng bữa ăn nhẹ buổi tối và nghỉ ngơi vào tầm 23 giờ.

Cuộc sống của các vương phi nhân hạ, no đủ. Tuy nhiên, do muốn vươn lên ở những địa vị cao sang hơn, nhất là chiếm được tình cảm của vua nên sự ghen tuông, đố kỵ xảy ra là chuyện bình thường. Vua Gia Long cũng như vua Minh Mạng nhiều lúc khổ tâm vì các bà ghen ghét, đố kỵ nhau, phân xử lại khó nên vua Gia Long có lần châm biếm gọi các cung phi của mình là “đoàn quỷ cái”. Cuộc sống riêng tư của các cung phi muốn được vua yêu chuộng là nhờ vào tài ăn nói của các thái giám gần cạnh vua để tâu bày, chỉ định cung phi và sắp xếp mọi việc liên quan đến hưởng lạc của vua. Trước khi Hoàng đế đến hậu cung của họ, các phi tần sẽ phải tắm rửa thật sạch sẽ và phải được Thái y kiểm tra tổng quát mới được cho diện kiến nhà vua. Các phi tần hầu hết đều có nơi ở riêng, và một ngày của họ sẽ được lấp đầy bởi các hoạt động như trang điểm, may vá, làm nghệ thuật hay giao tiếp với các phi tần khác. Nhiều người trong số các phi tần dành cả cuộc đời mình trong Nội cung mà không một lần nào được nhìn thấy khuôn mặt của Hoàng đế.

Vua Minh Mạng là người có số lượng vợ và con nhiều nhất trong số các vị vua triều Nguyễn (43 bà phi, sinh 162 người con được ghi chép ở *Nguyễn Phúc tộc thế phả*), nhưng dưới thời Minh Mạng vào giai đoạn cao điểm, nữ nhân chốn hậu cung, kể cả nữ quan và cung nữ, cũng không quá 200 người. Lịch sử đã từng ghi nhận hai trận thiên tai lớn (hạn hán và lụt bão) xảy ra ở kinh đô Huế dưới thời vua Minh Mạng, đã làm ảnh hưởng đến số lượng nữ nhân chốn hậu cung. Vào năm Minh Mạng thứ 6

(1825), khi hạn hán xảy ra, nhà vua cho rằng đây là do âm khí uất tắc nên đã ra chỉ dụ: “*Thả cung nữ ra. Vua thấy đại hạn lấy làm lo, bảo Thượng bảo khanh Hoàng Quýnh rằng: Hai ba năm nay đại hạn luôn, trăm nghĩ chưa rõ vì có gì. Hay vì con gái bị giam hãm trong cung nhiều, nên âm khí uất tắc mà đến thế chăng? Nay đàn bà con gái trong cung cũng không nhiều lắm, song tạm lựa cho ra 100 người, may ra tại biển bớt chăng?*”⁽¹⁾ Đến năm Minh Mạng thứ 9 (1828), lụt lớn xảy ra ở kinh đô, âm khí uất cũng lại trở thành nguyên nhân lo lắng của nhà vua: “*Kinh kỳ lụt to, mặt đất sâu hơn 10 thước, nhà cửa của dân bị trôi nhiều chết đuối hơn 60 người....Vua nhân bảo Bộ Lễ rằng: Từ trước đến nay lụt mùa thu, chưa bao giờ ghê như thế. Nước là tượng âm, hoặc giả âm khí u uất mà thành ra thế chăng? Hiện nay cung nhân có danh vị chỉ có 16, 17 người. Tất cả các ban chưa quá 100 người, đủ để sai khiến trong cung mà thôi. Trời báo tai như thế, có phải là sự ngẫu nhiên đâu? Trăm nửa đêm thức dậy, quanh giường bàng hoàng, tự trách lỗi mình mong sao cho hồi được lòng trời mà khỏi tai biến.*”⁽²⁾ Thân phận của các cung phi, bước vào Nội cung là những thiếu nữ thanh xuân, tuổi trẻ, thiện lương còn bỡ ngỡ trước cuộc đời. Tuy nhiên, cuộc sống đầy âm mưu thủ đoạn của chốn cung cấm đã biến những thiếu nữ thanh thuần trở thành những người lắm mưu, nhiều kế. Thậm chí là một cuộc sống cô đơn, buồn bã, đánh mất cả tuổi thanh xuân vì không được ân sủng của nhà vua...

Theo thường lệ, vua Minh Mạng mỗi đêm chăm cho thái giám gọi năm bà vào hầu, mỗi canh một bà. Thái giám phải chuyển danh sách năm bà ấy cho Tôn Nhơn Phủ, phủ này lại chuyển một danh sách khác cho Quốc Sử Quán, làm như vậy để sau này có một bà nào mãn nguyệt khai hoa, xem thử từ ngày vua vờ đến kỳ sinh nở có đúng ngày đúng tháng không.

Ban ngày, khi vua ngự ngai, cũng thường có năm bà hầu hạ; một bà phe phẩy chiếc quạt, một bà đầm bóp cho vua, một bà hát nhè nhẹ cho vua yên giấc, một bà vắn thuốc tẩm trà sẵn để đó, một bà chực khi vua thức dậy, cần dùng cái gì thì phải sẵn sàng làm ngay.

Khi vua ngự thiện (tức là ăn cơm) thì chỉ có thị vệ đứng quạt hầu bằng những cây quạt lông. Bao giờ vua cũng chỉ ngự thiện một mình chứ không có bà vợ nào, ngay cả Hoàng Quý phi cũng không được ngồi cùng mâm với vua. Chỉ có bà Mai Thị Vàng (vợ vua Duy Tân), là được ngồi ăn chung một mâm với vua. Bà là con của Tuần vũ Quảng Trị Mai Khắc Đôn, thầy dạy học của vua. Bây giờ vua Duy Tân còn nhỏ nên chỉ ở lầu Du Cửu (lầu này sau phá đi để làm điện Kiến Trung) chứ không ở điện Càn Thành vì quá rộng.

Tuy vua có nhiều phi tần, nhưng không phải bà nào cũng đẹp, có bà lại còn kém về nhan sắc là khác, phần nhiều là con các ông quan võ. Bà nào nhờ có sắc đẹp hoặc

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 768.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Sđd, tr. 768.

khéo chiều chuộng vua thì được hầu nhiều lần hơn các bà khác. Đến ngày đông chí, tất cả lửa trong Tử Cấm Thành đều phải tắt hết. Chỉ tại điện Càn Thành nhen một lò lửa thật lớn, đúng vào lúc nửa đêm cả tam cung lục viện mới mang lòng ấp đến điện Càn Thành để vua ban cho một ít lửa, ngụ ý rằng vua ban hơi ấm cho mọi người. Đời sống trong Nội cung có nhiều cái phức tạp và khác hẳn với đời sống bên ngoài. Ở đây không ai được phép nói một chữ gì xấu, dở, hoặc thô như đau, bệnh, chết, đui què, câm, điếc... Tất cả những chữ dùng về vua cũng khác với người thường: chẳng hạn vua đau thì nói là *Ngài se*, *Ngài siết* hoặc *vi dạng*, *vi hòa*... Vua ngủ là *ngự ngoi*, vua thức dậy là *tánh*, vua đi chơi là *ngự dạo*, vua bài tiết là *canh y*... Phải làm cả một quyển tự điển mới ghi hết những chữ dùng riêng này. Lại còn vô số chữ húy phải kiêng, ai phạm phải, nếu là nhẹ thì bị khiển trách, nếu là nặng thì bị đánh đòn hoặc giam cầm. Có trọng húy và khinh húy. Một điều khó hiểu hơn nữa là cho đến thứ bậc cũng kiêng. Ông hoàng thứ hai, nếu còn sống thì gọi là Hoàng Hai, nhưng nếu đã chết thì phải gọi là Hoàng Hoi. Chín thì gọi là Chỗ. Vì vậy, các bà mới vào nội, ít nhất là ba tháng đầu, không ai dám hờ rằng nói một điều gì cả.

Ngoài ra, quy định trong nghi lễ của các bậc phi tần rất rõ ràng. Các phi, tần trở xuống đến Tài nhân vào hầu Hoàng Quý phi ở viện, sở, các phi, tần thì lễ vái 2 vái trước; Hoàng Quý phi đứng dậy đáp lễ 1 vái; Tiếp dư cho đến Tài nhân, đều làm lễ 3 vái, Hoàng Quý phi không vái đáp lễ, rồi mời đến chỗ ngồi, đều chiều thứ bậc cao thấp mà ngồi, không được ngồi cùng chiều với Hoàng Quý phi. Khi khoản tiếp nói chuyện xong, xin cáo từ lui về, cũng theo phép này. Hoàng Quý phi nhân có việc đến các sở Cung giai, việc vái đáp và chỗ ngồi cũng theo như vậy mà làm. Còn như các phi, các tần tiếp kiến nhau và Tiếp dư trở xuống đến Tài nhân tiếp kiến nhau, thì khi mới gặp và khi từ giã ra về đều làm lễ vái chào 1 vái, đáp lễ 1 vái. Tiếp dư trở xuống đến Tài nhân yết kiến các phi tần, khi mới yết kiến và cáo từ ra về, đều làm lễ vái 2 vái; các phi tần đối với Tiếp dư chỉ đáp 1 vái, còn từ Quý nhân trở xuống đều không vái đáp lễ. Hoặc các phi tần có tiếp kiến Tiếp dư trở xuống đến Tài nhân, nghi lễ vái đáp đều giống như trên. Còn chỗ ngồi cũng đều cho theo thứ bậc cao thấp mà ngồi. Chưa dự hạng giai trở xuống đến thị nữ và nữ quan, trừ hạng thực nhân ra, như có đến hầu các phi tần, các vị nhập giai trở xuống thì lạy các phi; cung nhân trở xuống thì lạy các tần, đều làm lễ lạy 1 lạy, rồi đều chiều thứ bậc chia ra đứng hầu hai bên tả hữu, không được ngồi; cho ngồi mới được ngồi ở chiều dưới. Các cấp bậc trên đây đều có trên dưới; “nếu người trên hỏi đến thì kẻ dưới đều “*dạ*” và “*bẩm*”; trả lời kẻ dưới thì người trên nên “*vâng*”, trong khi xưng hô: các phi tần thì xưng là *phong phi* mỗ, *phong tần* mỗ, Tiếp dư đến vị nhập giai, Tài nhân thì xưng *phong mỗ* họ mỗ, Cung nhân trở xuống đến Thị nữ thì xưng *thị mỗ*, còn các bậc nữ quan thì bậc thứ trở xuống đều “*dạ*” bậc đầu; bậc trung trở xuống đều “*dạ*” bậc thứ; bậc dưới, bậc cuối đều “*dạ*” các bậc giữa trở lên. Xưng hô thì đều tùy theo quan hàm, như có yết kiến nhau đều làm lễ vái 1 vái, kẻ dưới vái trước, người trên đáp lại, duy bậc đầu, bậc thứ đối với bậc dưới, bậc cuối thì miễn vái đáp lễ. Chỗ ngồi cũng đều chiều theo thứ bậc trên dưới, không được trái phép vượt bậc. Lại như khi đi cùng gặp, các phi trở xuống gặp Hoàng Quý

phi, đều phải tránh đứng ra bên đường, chờ Hoàng Quý phi đi khỏi rồi mới đi, còn các giai trở xuống đến nữ quan, đều có thứ bậc tôn ty, như có gặp nhau, cũng theo như thế mà làm, đều theo cấp bậc mà tỏ ra có lễ phép”.⁽¹⁾

Về việc giữa vua và các bà thì có thái giám và các nữ quan. Dưới triều Tự Đức, thái giám có 70 người, một số phân lên ở các lăng, mỗi lăng chừng ba người, còn lại thì phục dịch ở Đại Nội. Thái giám có năm đẳng: Thủ đẳng, Thứ đẳng, Trung đẳng, Á đẳng và Hạ đẳng. Các nữ quan làm việc dưới quyền của thái giám. Sau này, tự do hơn, nên thị vệ cũng được giao thiệp với các bà, thị vệ gồm có năm đẳng, từ Ngũ đẳng đến Nhất đẳng. Vào khoảng cuối triều Nguyễn, thị vệ gồm có 65 người, đặt dưới quyền điều khiển của một Thông quản và một Quản lãnh. Hai chức này ngang hàng với Thượng thư và được gọi là Thị vệ đại thần.

Nhà Nguyễn cũng đặt ra các quy định chăm sóc sức khỏe cho các cung nữ. Trong phép chữa bệnh Đông y có vọng, vấn, vấn, thiết. Thế mà đây vọng là xem bề ngoài con bệnh ra sao cũng không, vấn là nghe giọng nói con bệnh ra sao cũng không, vấn là hỏi xem con bệnh nghe trong mình đau như thế nào cũng không nốt, ta thấy các bà trong Nội cung ngày xưa hay mất sớm thì cũng không lạ gì. Như ai cũng biết, một khi đã vào nội thì không ai còn được tiếp xúc với đàn ông nữa. Khổ nỗi các bà sống tù túng trong cung, lại thường hay đau ốm mà thầy thuốc chỉ có các quan Ngự y, toàn là đàn ông cả mặc dầu họ đã đứng tuổi. Dưới triều Khải Định, mỗi khi có một bà đau thì bà ấy cứ nằm trong mùng, ngoài mùng còn có một bức màn nữa. Bên ngoài người ta để một cái ghế đầu cho bà ấy thò tay ra và để lên. Một quan Ngự y có tuổi, khăn áo chỉnh tề, đến chân mạch, một bên có một thái giám, bên kia có một bà Quản sự đứng chứng kiến. Nhưng sợ quan Ngự y đụng đến tay bệnh nhân thì hai làn da sẽ chạm vào nhau, nên người ta đã cẩn thận lấy một mảnh lụa mỏng để quần vào cườm tay người bệnh, rồi quan Ngự y mới ấn mấy ngón tay vào mảnh lụa ấy để bắt mạch. Khi đau yếu, bệnh tật, họ phải ra khỏi hoàng cung để dưỡng bệnh tại Bình An Đường.

Thân phận các bà phi khi già thì không được ở trong Nội cung, một số lên ở lăng thờ phụng, hương khói hoặc một số trở về quê, khi mất các bà được thờ tại đó hoặc ở nhà thờ riêng.

Mậu Ngọ, Tự Đức năm thứ 11 [1858], có quy định và cũng là tình nguyện của các phi tần, “*từ các phi cho đến cung nga, thị nữ, hoặc người có con mà con chết trước, cùng là người không có con, nếu xin tình nguyện ở lại chầu trực ở điện thờ, mà sau chết đi, thì được thờ ở đấy, cấp cho đồ thờ, xuân thu tế 2 lần, như lệ mọi đền thờ khác*”.⁽²⁾ Sau khi mất, các bà được thờ riêng hoặc thờ chung tại một số đền thờ. Ví dụ bà Đức phi Lê thị, tức là bà Đệ tam cung, mẹ của Quảng Oai công và Thường Tín Quận vương, được thờ ở đền Đức Phi, tại xã Phú Xuân huyện Hương Trà; bà Hiền phi Ngô thị được thờ tại đền Hiền Phi, cũng tại xã Phú Xuân; bà Gia phi Phạm thị, mẹ của Thọ Xuân Vương, được thờ tại đền Gia Phi, ở Đông Trì Thượng ấp ngoài Kinh

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Sđd, tr. 1224-1225.

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Sđd, tr. 551.

Thành. Số đông các bà khác từ bậc Tần, Tiệp dư xuống Mỹ nhân, Tài nhân được thờ tại các đền Ý Thục ở vườn Thư Xuân, phía tây Kinh Thành và Lệ Thục ở vườn Thanh Phương nằm ở bờ phía tây sông Hộ Thành, trong Kinh Thành...

4. Các quy định về tang chế và phần mộ khi qua đời

Điền chế xây dựng lăng mộ của vua, quan, hoàng hậu và các cung phi được quy định cụ thể rõ ràng và chặt chẽ theo từng cấp bậc. Việc quy định lăng mộ các phi tần được ghi lại trong các nguồn thư tịch.

Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], nhà vua đã “*định các thức nhà thờ ở lăng và mộ các phi tần trở xuống (các phi: nhà thờ ở lăng, trong xây, tường gạch cao 4 thước 1 tấc, chiều dài 2 trượng 7 thước, chiều ngang rộng 2 trượng 7 tấc, ngoài xây tường gạch cao 4 thước 5 tấc, dài 5 trượng 4 thước, ngang rộng 4 trượng 5 thước, mặt trước chính giữa xây một cửa, cửa dùng gỗ sơn đỏ, phía trong cửa, trước bình phong dựng bia đá khắc những chữ: “mỗ phi mỗ thị chi tẩm⁽¹⁾”. Trước cửa xây thêm sân để lễ 3 cấp, mỗi cấp rộng 6 thước, mặt trước và tả hữu xây lan can cao 1 thước 8 tấc, chung quanh giới hạn cấm đều cách 20 trượng, chỗ giáp giới xây cột gạch để nhô giới hạn. Các tần: nhà thờ ở lăng, trong xây tường gạch cao 3 thước 6 tấc, dài 2 trượng 3 thước, rộng 2 trượng 3 tấc, ngoài xây tường gạch cao 4 thước 1 tấc, rộng 4 trượng 5 thước, chiều ngang 3 trượng 6 thước, phía trước bên trong cửa ở trước bình phong, có bia đá, khắc chữ: “mỗ tần mỗ thị chi tẩm”, chung quanh giới cấm đều 12 trượng”⁽²⁾. Bậc Tiệp dư trở xuống quy định các mộ trong xây tường gạch cao 3 thước 2 tấc, dài 2 trượng 1 thước, chiều ngang 1 trượng 8 thước, bên ngoài tường gạch cao 4 thước, dài 3 trượng 6 thước, chiều ngang 3 trượng 2 thước, cửa mặt trước ở trước bình phong có bia đá khắc chữ: “Tiệp dư hoặc Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân, mỗ thị chi mộ”. Chung quanh giới hạn đều 8 trượng. Các hạn lệ giới cấm: nếu gặp dân cư và ruộng sâu khe cừ thì cứ chỗ tiếp giáp, xây cột gạch không cứ số trượng, giao cho biên binh canh giữ trồng cây cỏ hoa, cốt được xanh tốt, các Kinh doãn, Kinh huyện thời thường tuần tra nghiêm cấm dân sở tại không được chôn trộm phần mộ ở trong giới hạn và thả trâu dê giầy xéo vào cây cỏ lên hoa, kẻ nào phạm phép thì bắt tội. Cho xây dựng từ bến đò đến các sở nhà thờ ở lăng và lăng mộ cũng đắp đường đi, để tiện việc đi lại thăm viếng.*

Tự Đức năm thứ 6 [1853], nhà vua lại quy định về “*định lệ lăng tẩm của phi tần (từ nay về sau, phạm khi định làm lăng tẩm nên tìm nơi đất không khoáng, nếu có mở rộng vào mộ cũ bắt phải dời đi chôn chỗ khác, thì chỉ cho dời đến 10 ngôi là cùng, không được nhiều quá, làm lụy cho dân*”⁽³⁾.

Năm 1858, vua Tự Đức ưu tiên cho các phi tần phụng trực ở Hiếu Lăng và Xương Lăng “*mỗi nơi 1 cái nhà riêng ở ngoài giới hạn đất cấm. Phạm các phi tần, cho đến cung nga, thị nữ, hoặc người có con mà con chết trước, cùng là người không*

(1) Tẩm mộ của phi nào, họ là gì.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 5. Sđd, tr. 327-328.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Sđd, tr. 278.

có con, nếu xin tình nguyện ở lại châu trực ở điện thờ, mà sau chết đi, thì được thờ ở đấy, cấp cho đồ thờ, xuân thu tế 2 lần, như lệ mọi đền thờ khác”.⁽¹⁾

Đến năm Tự Đức thứ 24 [1871] nhà vua đã quy định cả việc xây dựng tâm mộ cho các cung nhân, cung nga là những bậc thấp nhất trong Nội cung: *“Mới định cách thức phần mộ của các cung nhân, cung nga, thị nữ. Năm Minh Mệnh thứ 19, từ phi tần cho đến tài nhân chưa vào bậc, thể lệ đã được chuẩn định, từ cung nhân trở xuống chưa bàn đến. Đến nay mới định cách thức phần mộ cung nhân cho đến thị nữ. Mộ cung nhân: Thành tường thân cao 3 thước, dày 1 thước 2 tấc, dài 2 trượng 8 thước, đường kính rộng 2 trượng 2 thước. Về mặt trước, phía trong cánh cửa, ở trước bình phong, dựng 1 tấm bia đá, khắc chữ mộ của cung nhân họ mõ... Giới hạn đất cấm, xung quanh đều 6 trượng. Chi cho gạch xây 1.000 viên, đá núi 1 đồng và 8 phần đồng, với 5.000 cân, mật xấu 100 cân, giấy bồi 600 tờ, cánh cửa 2 tấm, đá trắng 5 tấm, dân phu 50 tên, tiền công 150 quan, gạo 40 phương.*

Mộ cung nga: Thành tường thân cao 2 thước 8 tấc, dày 1 thước 1 tấc, dài 2 trượng 5 thước, đường kính rộng 2 trượng, về mặt trước, phía trong cánh cửa, ở trước bình phong, dựng 1 tấm bia đá, khắc chữ mộ của cung nga họ mõ... Giới hạn đất cấm, xung quanh đều 5 trượng. Chi cho gạch xây 1.000 viên, đá núi 1 đồng và 6 phần đồng, với 4.000 cân, mật xấu 90 cân, giấy bồi 500 tờ, cánh cửa 2 tấm, đá trắng 5 tấm, dân phu 40 tên, tiền công 120 quan, gạo 32 phương.

Mộ của thị nữ: Thành tường thân cao 2 thước 5 tấc, dày 1 thước, dài 2 trượng 2 thước, đường kính rộng 1 trượng 8 thước. Về mặt trước, phía trong cánh cửa, ở trước bình phong, dựng 1 tấm bia đá khắc chữ mộ của thị nữ họ mõ... Giới hạn đất cấm xung quanh đều 4 trượng, chi cho gạch xây 1.000 viên, đá một đồng và 4 phần đồng, với 3.000 cân, mật xấu 80 cân, giấy bồi 400 tờ, cánh cửa 2 tấm, đá trắng 5 tấm, dân phu 30 tên, tiền công 90 quan, gạo 24 phương”.⁽²⁾

Dưới thời vua Đồng Khánh [1886], triều đình lại có sự thay đổi và quy mô xây dựng lăng mộ và chiếu theo thứ bậc để có quy định rõ ràng và công bằng: *“Chuẩn cho phần mộ từ cung giai đến thị nữ, từ nay chiếu theo cấp bậc cấp tiền bớt đi. Lệ cũ, vật liệu do Nhà nước mua cấp, nhân công thì chiết cấp tiền gạo, các phi tần tiền 400 quan, gạo 120 phương; bậc tiếp dư, quý nhân, tiền 300 quan, gạo 80 phương; bậc mỹ nhân, tài nhân, tiền 240 quan, gạo 64 phương; bậc tài nhân, vị nhập giai và cung nhân, tiền 150 quan, gạo 40 phương, bậc cung nga, tiền 120 quan, gạo 32 phương; bậc thị nữ, tiền 90 quan, gạo 24 phương. Đến nay cấp bớt đi, phi tần 200 quan; tiếp dư, quý nhân 150 quan; mỹ nhân, tài nhân 120 quan; tài nhân, vị nhập giai và cung nhân, cung nga 100 quan; thị nữ 80 quan. Như có người giữ việc thờ cúng và thân nhân, thì được chiếu lĩnh đem về chiếu lệ xây dựng; không có người giữ việc thờ cúng và thân nhân, thì do phủ Thừa Thiên thuê người làm.*⁽³⁷⁾

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Sđd, tr. 551.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập 7. Sđd, tr. 1276-1277.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 9. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 254-255.

Cuộc sống trong chốn Nội cung nhiều lúc phức tạp, vua Gia Long từng nói với một đại thần người Pháp của mình là J.B. Chaigneau về chốn hậu cung như sau: “*Này, lát nữa đây, ta sẽ bị vây quanh bởi một đám yêu nữ sẽ hét vào tai điếc cả tai (ngài giả giọng và cử chỉ của người phụ nữ đang điên tiết lên): "Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ xét xử công minh cho, con mụ nọ đã chửi thần thiếp; hay là, người ta đã đối xử tệ với hạ thần; muôn tâu bệ hạ, xin phân minh cho hạ thần!"*”. Rồi một tá yêu nữ khác lại đến kêu than bên lỗ tai: “*Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ không còn sủng ái thần thiếp, bệ hạ đã chiếu cố kẻ khác, muôn tâu bệ hạ... xin đến lượt thần thiếp*”.⁽¹⁾ Cuộc sống ở chốn hậu cung rất phức tạp, để yên ổn công việc triều chính, triều đình rất sáng suốt đề ra nhiều chính sách, cũng như quy chế không khác gì đối với quan văn và quan võ, có chính sách thưởng phạt nghiêm minh và đến cả hậu sự khi các bà qua đời cũng phân bổ theo trật tự thứ bậc từ thấp lên cao. Chế độ này đã được quy định thành điển chế và đây cũng là dụng cụ sắc bén để cai trị đất nước trong mọi hoàn cảnh.

Thay lời kết

Chốn hậu cung là một xã hội thu nhỏ, là một thế giới phụ nữ để thực hiện các công việc phục vụ cho vua và duy trì nòi giống. Để điều hành toàn bộ chốn Nội cung, triều Nguyễn đã lập ra các ty để quản lý chặt chẽ và có chế độ thưởng phạt rất rõ ràng. Ngoài ra, triều đình còn có những chế độ ưu đãi cho những người về già và khi về thế giới bên kia một cách hậu hĩ, từ nơi ăn, chốn ở, nơi thờ cúng, yên nghỉ. Chính vì vậy, dù Nội cung nhà Nguyễn có nhiều chuyện thâm cung bí sử nhưng không có những vụ việc nổi đình nổi đám, và tất cả đều tuân theo điển chế của triều đình. Dưới triều Nguyễn, cuộc sống Nội cung phần nào cũng yên ổn, không như chốn Nội cung của Trung Hoa. Nhờ cách tổ chức và phân cấp quản lý rõ ràng minh bạch mà mọi hoạt động trong chốn Nội cung vốn phức tạp, “*vua Gia Long thường nói việc trị quốc đối với ngài dễ hơn và ít nhọc công hơn là việc cai quản cung cấm*”⁽²⁾ lại trở nên yên ổn.

L T A H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2003). *Đại Nam thực lục*. Tập 1,2,4,5, 6,7,9. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
2. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2007-2012). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*. Tập 1, tập 3, tập 6. Bản dịch của Viện Sử học và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Nxb Khoa học Xã hội.
3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 13. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế.
4. *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau*. (2016). Bản dịch Lê Đức Quang - Trần Đình Hằng. Nxb Thuận Hóa. Huế.
5. Michel Đức Chaigneau. “Souvenirs de Huế”. Tạp chí BAVH, năm 1941.
6. Tôn Thất Bình. (1996). *Đời sống trong Tử Cấm Thành*. Nxb Đà Nẵng.
7. Lưỡng Kim Thành. (2012). *Chuyện các bà hoàng bà chúa triều Nguyễn*. Nxb Thuận Hóa. Huế.

⁽¹⁾ *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau*. Sđd, tr. 198.

⁽²⁾ *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau*. Sđd, tr.198.